TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 28/9/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Ngọc Hà
2. Bà Phạm Thị Tuyết

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2018/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 29 ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Chị Đinh Thị H, sinh năm 1992
Trú tại: Tổ 06, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa
Bị đơn**:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986
Trú tại: Tổ 06, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H) thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh, chửi, xúc phạm chị và gia đình chị. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

* Về con chung: Chị H và anh Th có một con chung, là cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 20/11/2010. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Nguyễn Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại Tổ 06, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H) thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh T cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh, chửi, xúc phạm chị và gia đình chị. Mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến để hòa giải, nhưng anh T không đến, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh T cũng không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý chí muốn hàn gắn, đoàn tụ cùng với chị H. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H, anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 20/11/2010. Tại thời điểm xét sử sơ thẩm, cháu T1 chưa đủ

8 tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T1 có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ. Anh T cũng không có ý kiến phản đối hoặc thể hiện mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Do đó, cần giao cháu T1 cho chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 20/11/2010 cho chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0000610 ngày 09/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Đinh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố YB;
- Chi cục THADS thành phố YB;
- UBND phường H, thành phố YB
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thủy

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[6]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)……..

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..……[7]

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[8]***.....*** *tham gia phiên toà:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....[9] tại .....

xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....[11] ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....[12]

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:[13].....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:[14].....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:[15].....

2. Bị đơn: [16].....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:[17] .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:[18] .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):[19].....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[20] .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[21].....

4. Người làm chứng[22] .....

5. Người giám định:[23].....

6. Người phiên dịch:[24] .....

NỘI DUNG VỤ ÁN: [25]

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[26]

[1].....

[2].....

[3].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……[27] .....

[28]: .....

.....[29]

_____